

令和 6 年 4 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	北島 康弘	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	64.9 t	7.69	4.5 cm	13.8 °C	
放流水量	64.3 t	7.89	50.0 cm	13.7 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	310 KWH	4,250 KWH	6.78 t	
日平均使用量	10.0 KWH	137.1 KWH	0.22 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	6台: 1.57t	22台: 45.18t	29台: 23.40t		2台: 3.74t	
前月累計						
年度計	6台: 1.57t	22台: 45.18t	29台: 23.40t		2台: 3.74t	

小計	
月計	59台: 73.89 t
前月累計	
年度計	59台: 73.89 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	59台: 73.89 t
前月累計	t	台: t
年度計	t	59台: 73.89 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	44台	185 m ³
前月累計	台	m ³
年度計	44台	185 m ³

項目	日
搬入日数	18
日平均搬入数量	4.11 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	73.89 t	59台	スケール分散剤	30.00 kg
5	t	台	凝集剤 パック	100.00 kg
6	t	台	凝集助剤 ポリマ	0.80 kg
7	t	台	固形塩素剤	3.00 kg
8	t	台	脱水助剤 104	kg
9	t	台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清缶剤	kg
12	t	台	並塩	kg
1	t	台	リン酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	m ³
			脱水ケーキ量	t
計	73.89 t	59台	脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	曇	5 °C	7 °C	-1 °C
2	曇/晴	3 °C	7 °C	-1 °C
3	晴	5 °C	9 °C	-3 °C
4	晴	7 °C	12 °C	1 °C
5	晴	10 °C	11 °C	-2 °C
6		°C	°C	°C
7		°C	°C	°C
8	晴/曇	12 °C	17 °C	-1 °C
9	曇	4 °C	4 °C	2 °C
10	曇	10 °C	11 °C	-1 °C
11	曇	10 °C	14 °C	1 °C
12	曇/晴	8 °C	16 °C	5 °C
13		°C	°C	°C
14		°C	°C	°C
15	晴	15 °C	25 °C	3 °C
16	晴	18 °C	20 °C	6 °C
17	曇/晴	15 °C	18 °C	11 °C
18	曇	12 °C	14 °C	9 °C
19	曇	8 °C	11 °C	7 °C
20		°C	°C	°C
21		°C	°C	°C
22	曇/晴	10 °C	12 °C	5 °C
23	晴	13 °C	15 °C	3 °C
24	曇/晴	9 °C	16 °C	3 °C
25	曇	11 °C	12 °C	9 °C
26	晴	15 °C	20 °C	8 °C
27		°C	°C	°C
28		°C	°C	°C
29		°C	°C	°C
30	曇/雨	12 °C	13 °C	5 °C
		°C	°C	°C